



DELL Inspiron 5566 Intel® Core™ i3 i3-7100U Laptop 39,6 cm (15.6") HD 8 GB DDR4-SDRAM 1 TB HDD Windows 10 Home Màu đen

Nhãn hiệu : DELL

Họ sản phẩm: Inspiron

Mã sản phẩm: I5566-3789BLK

Tên mẫu : 5566



DELL Inspiron 5566. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i3, Model vi xử lý: i3-7100U, Tốc độ bộ xử lý: 2,4 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"), Kiểu HD: HD, Độ phân giải màn hình: 1366 x 768 pixels. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 1 TB, Phương tiện lưu trữ: HDD, Loại ổ đĩa quang: DVD±RW. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home. Màu sắc sản phẩm: Màu đen

Thiết kế		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Sản Phẩm *	Laptop	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✓
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Màn hình		Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Độ phân giải màn hình *	1366 x 768 pixels	Công nghệ Intel® Turbo Boost	✗
Màn hình cảm ứng *	✗	Lợi thế Doanh nghiệp Nhỏ của Intel (Intel® SBA)	✓
Kiểu HD	HD	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Đèn LED phía sau	✓	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Khoảng cách giữa hai điểm ảnh	0,252 x 0,252 mm	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Màn hình kép	✗	Intel® Insider™	✓
Bộ xử lý		Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i3	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Thế hệ bộ xử lý	7th gen Intel® Core™ i3	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Model vi xử lý *	i3-7100U	Intel® Enhanced Halt State	✓
Số lõi bộ xử lý	2	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Các luồng của bộ xử lý	4	Khóa An toàn Intel	✓
Tốc độ bộ xử lý *	2,4 GHz	Intel® TSX-NI	✗
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB		
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache		
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1356		
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm		
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit		
Tên mã bộ vi xử lý	Kaby Lake		
Loại bus	OPI		
Chia bậc	H0		
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
TDP-down có thể cấu hình	7,5 W		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz	Intel® OS Guard	✓
Tjunction	100 °C	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	12	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Phiên bản PCI Express	3.0	Kiến trúc Intel® 64	✓
Cấu hình PCI Express	1x2+2x1, 1x4, 2x2, 4x1	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Trạng thái Chờ	✓
Bộ nhớ		Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Bộ nhớ trong *	8 GB	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	42 x 24 mm
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.2
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM	Mã của bộ xử lý	SR2ZW
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Bộ nhớ trong tối đa *	16 GB	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✓
Dung lượng		Graphics & IMC lithography	14 nm
Tổng dung lượng lưu trữ *	1 TB	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Phương tiện lưu trữ *	HDD	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Dung lượng ổ đĩa cứng	1 TB	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Giao diện ổ cứng	SATA III	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Dung lượng ổ cứng	2.5"	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Loại ổ đĩa quang *	DVD±RW	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	ID ARK vi xử lý	95442
Thẻ nhớ tương thích	SD	Vi xử lý không xung đột	✓
Đồ họa		Pin	
Model card đồ họa rời *	Không có	Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Card đồ họa on-board *	✓	Số lượng cell pin	4
Card đồ họa rời *	✗	Công suất pin *	40 Wh
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 620	Điện áp pin	14,8 V
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	Điện	
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1000 MHz	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	45 W
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB	Tần số của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	50 - 60 Hz
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Điện áp đầu vào của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	100 - 240 V
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.4	Cường độ dòng điện đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	2,31 A
ID card đồ họa on-board	0x5916	Điện áp đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	19,5 V
Âm thanh		Giắc cắm đầu vào DC	✓
Chip âm thanh	Realtek ALC3246	Bảo mật	
Hệ thống âm thanh	MaxxAudio	Khe cắm khóa cáp	✓
Số lượng loa gắn liền	2	Loại khe cắm khóa dây cáp	Kensington
Nhà sản xuất loa	Waves	Mã pin bảo vệ	✓
Công suất loa	2 W	Điều kiện hoạt động	
Micrô gắn kèm	✓	Nhiệt độ cho phép khi vận hành (T-T)	0 - 35 °C
Máy ảnh		Nhiệt độ lưu trữ (T-T)	-40 - 65 °C
Camera trước	✓	Độ ẩm tương đối để vận hành (H-H)	10 - 90 phần trăm
Độ phân giải camera trước	0,92 MP	Độ ẩm tương đối để lưu trữ (H-H)	0 - 95 phần trăm
Độ phân giải camera trước	1280 x 720 pixels	Độ cao vận hành (so với mực nước biển)	-15,2 - 3048 m
Định dạng camera trước	720p		
Tốc độ quay video	30 fps		
hệ thống mạng			
Wi-Fi	✓		
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓		
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100 Mbit/s		
Bluetooth	✓		

Cổng giao tiếp		Điều kiện hoạt động	
Số lượng cổng USB 2.0 *	2	Độ cao (so với mặt biển) không vận hành	-15 - 10668 m
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	1	Sốc vận hành	110 G
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Sốc khi không vận hành	160 G
Số lượng cổng HDMI *	1	Độ rung khi vận hành	0,66 G
Phiên bản HDMI	1.4a	Độ rung khi không vận hành	1,3 G
Cổng DVI	✗	Tính bền vững	
Cổng ra S/PDIF	✗	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Silver, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Giắc cắm micro	✗	Trọng lượng & Kích thước	
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓	Chiều rộng	380 mm
Bộ nối trạm	✗	Độ dày	260,4 mm
Loại khe cắm CardBus PCMCIA	✗	Chiều cao	23,8 mm
Hiệu suất		Trọng lượng *	2,36 kg
Chipset bo mạch chủ	Intel SoC	Nội dung đóng gói	
Bàn phím		Kèm adapter AC *	✓
Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng	Thủ công	✓
Bàn phím số *	✓	Hướng dẫn khởi động nhanh	✓
Bàn phím chống nước	✓	Thẻ bảo hành	✓
Bàn phím full size	✓	Bao gồm dây điện	✓
Các phím Windows	✓	Các đặc điểm khác	
Phần mềm		Bộ nhớ trong tối đa (64-bit)	16 GB
Cấu trúc hệ điều hành	64-bit		
Các trình điều khiển bao gồm	✓		
Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.